

Bản án số: 52/2018/HS-ST

Ngày: 12-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Văn Dũng

2. Bà Khương Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H - sinh năm: 1968; Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L (đã chết) và con bà: Lê Thị Đ - sinh năm 1943; có vợ: Hồ Thị T - sinh năm 1971; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2004;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 31/01/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:

+ Anh Phạm Viết N - Sinh năm 1994; trú tại: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”

+ Anh Phạm Viết V - Sinh năm 1992; trú tại: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”

+ Chị Hoàng Thị H - Sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”

+ Chị Đinh Thị T - Sinh năm: 1999; trú tại: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”

+ Anh Lê Văn S - Sinh năm 1997; nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: T, quận H, Thành phố Hà Nội; “vắng mặt”

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn H1 - Sinh năm 1992; trú tại: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”

+ Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1998; trú tại: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”

+ Chị Lê Thị H - Sinh năm 1998; trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02 năm 2014, Nguyễn Văn H tình cờ gặp một người đàn ông tự giới thiệu tên C ở xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Qua nói chuyện H biết C mới đi làm thuê ở Trung Quốc về, thu nhập cao nên xin số điện thoại của C. Sau đó, Nguyễn Văn H về nhà tìm gặp và hỏi một số người ở xã H và xã N, huyện T có muốn sang Trung Quốc làm thuê, thu nhập cao để H đưa sang. Tại các địa phương này, H đã liên hệ được với Phạm Viết N, sinh năm 1994; Phạm Viết V, sinh năm 1992; Hoàng Thị H, sinh năm 1990; Đinh Thị T, sinh năm: 1999 và Lê Văn S, sinh năm 1997. Sau khi bàn bạc việc đưa mọi người sang Trung Quốc lao động, H đã liên hệ với C và thống nhất vào ngày 10/3/2014, sẽ tập trung đón và hướng dẫn đưa mọi người đi. Ngoài ra, còn có Nguyễn Văn H1, sinh năm 1992; Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 và Lê Thị H, sinh năm 1998 cũng đi Trung Quốc cùng với những người nói trên. Đến hẹn, Nguyễn Văn H thông báo và hướng dẫn cho mọi người đi đến cầu sông Lý thuộc địa phận xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương sẽ có người đưa lên xe đi Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để từ đó vượt biên sang Trung Quốc. Đến khu vực bờ sông giáp ranh với Trung Quốc, có một người thanh niên và một người phụ nữ đã đưa số người trên xuống bè đi qua sông rồi sang Trung Quốc. Sang đến bờ sông bên kia (phía Trung Quốc) thì đã có xe chờ sẵn để đưa mọi người đến xưởng làm việc. Khi đến xưởng thì có một người phụ nữ người Việt lấy chồng Trung Quốc đưa số người này vào xưởng làm việc. Cùng đón xe đi Trung Quốc ngày 10/3/2014 còn có Nguyễn Văn H2, sinh năm 1991 ở thôn L, xã H, huyện T và Lê Đình L, sinh năm 1992 ở thôn B, xã N, huyện T (L xin Lê Văn S để đi cùng). Làm việc tại Trung Quốc được một thời gian, đến ngày 23/6/2014 do được trả công ít và lo sợ không được bảo đảm an toàn khi lao động trái phép nên mọi người đã bỏ về Việt Nam, khi đến gần biên giới Trung - Việt thì bị công an Trung Quốc bắt giữ. Nguyễn Văn T và Lê Thị H đều sinh năm 1998 (17 tuổi) nên sau khi bị tạm giữ 01 ngày thì được thả về, số còn lại thì bị giữ 19 ngày mới được phía Trung Quốc thả về.

Theo lời khai của H và một số người được H đưa sang Trung Quốc, thì H đã thu của Phạm Viết V 1.000.000đ, Phạm Viết N 1.000.000đ (do mẹ của N trực tiếp đưa cho H), Hoàng Thị H 500.000đ, Đinh Thị T 500.000đ, Lê Văn S 1.000.000đ. Khoảng tiền này Nguyễn Văn H đã thỏa thuận với mọi người là để chi trả tiền vé xe đi Trung Quốc, nếu thiếu sẽ trừ dần vào lương hàng tháng. Nguyễn Văn H đã nộp số tiền trên cho chủ lao động là người Trung Quốc để họ giảm trừ tiền vé xe, ăn đường... cho mọi người. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Lê Văn S, Phạm Viết N và Phạm Viết V đều tự nguyện không yêu cầu H phải trả lại số tiền mà H đã nhận. Còn lại Đinh Thị T và Hoàng Thị H hiện tại không có mặt tại địa phương nên dành quyền khởi kiện cho Đinh Thị T và Hoàng Thị H đối với bị cáo Nguyễn Văn H bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện.

Ngày 05/02/2017, Phạm Viết N sinh năm 1992 và Phạm Viết V sinh năm 1994 đều trú tại thôn L, xã H, huyện T đã trình báo chính quyền địa phương về việc được Nguyễn Văn H đưa đi lao động trái phép tại Trung Quốc. Ngày 31/01/2018, Nguyễn Văn H đã đến Cơ quan công an huyện Tĩnh Gia để đầu thú. Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Đối với người đàn ông tên C là người đã cùng H tổ chức đưa số người trên trốn sang Trung Quốc, theo H khai do tình cờ biết và lấy số điện thoại nhưng không biết mặt, không biết họ tên lót, địa chỉ cụ thể ở đâu cũng như đối tượng là người thanh niên và người phụ nữ đã đón và đưa số người trên trốn sang Trung Quốc, quá trình điều tra không xác định được các đối tượng này nên Cơ quan An ninh điều tra không đủ cơ sở để xử lý.

Hành vi "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép" của Nguyễn Văn H được quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, hành vi nói trên của Nguyễn Văn H xảy ra từ khoảng tháng 02/2014 nhưng đến ngày 01/02/2018 mới bị khởi tố hình sự. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các quy định có lợi cho người phạm tội nên Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự 2015.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 14/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Văn H về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; điểm p

khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H là từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 31/01/2018). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện của Lê Văn S, Phạm Viết N và Phạm Viết V không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lại số tiền mà H đã nhận; dành quyền khởi kiện cho Đinh Thị T và Hoàng Thị H đối với bị cáo Nguyễn Văn H bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Trách nhiệm chịu án phí đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận: Vào khoảng từ tháng 02/2014 đến 10/3/2014, bị cáo đã có hành vi tổ chức cho một số đối tượng trốn đi lao động trái phép ở Trung Quốc. Đến ngày 31/01/2018 biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đang bị điều tra nên bị cáo đã chủ động đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tĩnh Gia đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Có đủ căn cứ để khẳng định Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” là đúng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quyền tự do cư trú của công dân. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử là cần

thiết và cần phải có một đường lối xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Tiền án, tiền sự: Không; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo đã đến cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Bị cáo là người dân lao động do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên đã phạm tội; bản thân bị cáo và gia đình từ trước đến nay chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước, không có vi phạm gì (có xác nhận của địa phương) để cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, lên cho bị cáo mức hình phạt thấp sớm cải tạo tốt trở về cộng đồng làm người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Công nhận sự tự nguyện của Lê Văn S, Phạm Việt N và Phạm Việt V không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lại số tiền mà H đã nhận.

- Dành quyền khởi kiện cho Đinh Thị T và Hoàng Thị H với bị cáo Nguyễn Văn H bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện đối với số tiền mà H đã nhận của Đinh Thị T và Hoàng Thị H.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng ...". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (31/01/2018). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Dành quyền khởi kiện cho Đinh Thị T và Hoàng Thị H với bị cáo Nguyễn Văn H bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện đối với số tiền mà H đã nhận của Đinh Thị T và Hoàng Thị H.

- Án phí: Áp dụng các điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt những người có quyền lợi liên quan đến vụ án tại phiên tòa. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo; người có quyền lợi liên quan đến vụ án
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hạnh